| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 48/2023/DS-ST<br>Ngày: 29 - 9 - 2023<br>V/v: "Kiện đòi tài sản" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Cần

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thanh Vân; Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2023, về việc "*Kiện đòi tài sản*"- Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lê Văn Th, sinh năm 198x (có mặt)

Đia chỉ: Tổ x, phường Trưng V, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn Ng, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm Linh S, xã Linh Th, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1x, phường Tân T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: Số 1x - Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền*:

1. Ông Nguyễn Trung Th, chức vụ: Phó giám giám đốc Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Thái Nguyên (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị H, chức vụ: Giám đốc dịch vụ Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Thái Nguyên (có mặt)

3. Ông Mai Tiến D, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (có mặt)

**Người làm chứng**:

1. Ông Ngô Tuấn A, sinh năm 198x (có mặt)

Địa chỉ: Tổ x, phường Phan Đình P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 198x (có mặt)

Địa chỉ: Tổ x, phường Túc D, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

***Nguyên đơn Anh Lê Văn Th trình bày:*** Do trước đây Anh Lê Văn Th có vay và còn nợ anh Ng Tuấn A, sinh năm 198x; Địa chỉ: Tổ x, phường Phan Đình Ph, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 1.200.000.000đ, nên vào hồi 10 giờ 9 phút ngày 12/01/2023, tại tổ 7, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, Anh Lê Văn Th sử dụng điện thoại truy cập vào App của Ngân hàng TMCP Q Việt Nam (sau đây viết tắt là: Ngân hàng XX) thực hiện việc chuyển khoản trả tiền cho anh Ng Tuấn A. Trong lần giao dịch thứ nhất và thứ hai: Anh Th đã chuyển khoản thanh toán cho anh Ng Tuấn A được tổng số tiền là 800.000.000đ từ số tài khoản 09828xxx8888 của Lê Văn Th đến số tài khoản 555018xxx5555 của anh Ng Tuấn A. Đến lần giao dịch thứ ba: Anh Th sử dụng ứng dụng BIDV E-Mobile Banking của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng BIDV) để chuyển khoản trả nốt anh Ng Tuấn A số tiền 400.000.000đ. Tuy nhiên, do trên điện thoại của Anh Th đã lưu giữ số tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng có 03 số cuối là 555 (trùng với 03 số cuối của anh Ng Tuấn A), nên khi thao tác thực hiện việc chuyển tiền Anh Th đã chọn nhầm vào tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng (số 09001xxx6555 tại Ngân hàng XX) và thực hiện việc chuyển khoản số tiền 400.000.000đ từ tài khoản 3901000xxx2666 của Anh Th đến số tài khoản số 09001xxx6555 của Anh Hoàng Văn Ng. Sau khi phát hiện ra việc chuyển khoản nhầm số tiền trên, Anh Th đã liên hệ với Ngân hàng XX, Ngân hàng BIDV và Công an thành phố để lấy lại khoản tiền trên, nhưng do Anh Hoàng Văn Ng đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên để điều tra trong vụ án hình sự, nên Anh Th không lấy lại được số tiền trên.

Do vậy, Anh Lê Văn Th đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Anh Hoàng Văn Ng trả lại cho Anh Th là số tiền 400.000.000đ do Anh Th đã chuyển nhầm vào số tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng.

***Bị đơn Anh Hoàng Văn Ng trình bày:*** Anh Hoàng Văn Ng và Anh Lê Văn Th có quan hệ là bạn bè, chơi với nhau từ năm 2015. Trong quá trình sinh hoạt giữa anh Ng và Anh Th đã có lần thực hiện việc chuyển tiền cho nhau qua tài khoản ngân hàng cài đặt trên ứng dụng của điện thoại di động. Từ ngày 06/11/2022 anh Ng đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên bắt tạm giam để điều tra trong vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", nên sự việc Anh Lê Văn Th chuyển nhầm số tiền 400.000.000đ vào số tài khoản 09001xxx6555 của anh Ng tại Ngân hàng XX thì đến ngày 17/01/2023 Công anh thành phố Thái Nguyên làm việc và cho anh xem bản sao kê ngân hàng XX thì anh mới biết. Tuy nhiên anh đang bị tam giam, nên không thể làm thủ tục để chuyển khoản lại cho Anh Lê Văn Th số tiền trên. Anh Ng xác định số tiền 400.000.000đ phát sinh trong tài khoản của anh vào ngày 12/01/2023 là do Anh Lê Văn Th chuyển nhầm, giữa anh và Anh Lê Văn Th không có quan hệ làm ăn hay nợ gì nhau.

Nay, Anh Lê Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Ng phải trả cho Anh Th số tiền 400.000.000đ chuyển nhầm vào ngày 12/01/2023, anh Ng nhất trí đề nghị Tòa án và Ngân hàng XX giải quyết để Anh Th lấy lại khoản tiền trên.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng XX trình bày:*** Căn cứ vào dữ liệu thông tin khách hàng trên hệ thống của Ngân hàng XX, thì xác định số tài khoản 09001xxx6555 là của khách hàng Hoàng Văn Ng. Số tài khoản 09828xxx8888 là của khách hàng Lê Văn Th. Quá trình kiểm tra chi tiết giao dịch trên hệ thống, xác định giữa Anh Lê Văn Th và Anh Hoàng Văn Ng đã từng có giao dịch chuyển tiền cho số tiền 1.000.000đ vào ngày 11/8/2022, mã giao dịch FT22223994222365. Ngày 12/01/2023 trên tài khoản số 09001xxx6555 của khách hàng Hoàng Văn Ng có phát sinh số tiền 400.000.000đ, nội dung: "*LE VAN TH Chuyen tien Trace 9815 45"*, từ số tài khoản 3901000xxx2666 của Ngân hàng BIDV. Sau khi tiếp nhận yêu cầu nhờ thu hộ từ hệ thống Napas của Anh Lê Văn Th, Ngân hàng XX đã nhiều lần liên hệ với khách hàng Hoàng Văn Ng theo số điện thoại đăng ký tại XX, nhưng không liên lạc được. Ngày 31/012013 ngân hàng XX đã phản hồi kết quả xử lý yêu cầu nhờ thu hộ trên hệ thống Napas với nội dung thu hồi không thành công, đồng thời có văn bản trả lời Anh Lê Văn Th, liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với khách hàng Hoàng Văn Ng có nợ Thẻ tín dụng của Ngân hàng số tiền là 118.150.000đ. Do vậy, ngày 12/01/2023 trên tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng có biến động số dư số tiền 400.000.000đ, thì Ngân hàng XX đã trích thu nợ tự động số tiền 118.150.000đ. Hiện nay số dư có trên tài khoản số 09001xxx65555 của ông Hoàng Văn Ng là 281.850.000đ (*Hai trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đối với việc Anh Lê Văn Th tranh chấp với khoản tiền 400.000.000đ do chuyển vào tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng ngày 12/01/2023, đề nghị Toà án làm rõ sự thật khách quan đây có phải là việc chuyển nhầm tiền hay nhằm che dấu giao dịch khác và trên cơ sở đó giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người làm chứng anh Ng Tuấn A và Nguyễn Bá Q trình bày***:

Do Anh Lê Văn Th có nợ anh Ng Tuấn A số tiền 1.200.000.000đ trước đó, nên hồi 10 giờ 9 phút ngày 12/01/2023 tại gia đình anh Nguyễn Bá Q, thuộc tổ 07, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, Lê Văn Th có chuyển khoản thanh toán cho anh Ng Tuấn A 02 mã tiền, một mã là 500.000.000đ và một mã là 300.000.000đ vào số tài khoản của anh 555018xxx5555 tại Ngân hàng XX. Đến lần giao dịch thứ ba thì Anh Th đã chuyển nhầm số tiền 400.000.000đ sang số tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng. Sau khi phát hiện việc chuyển tiền nhầm, Anh Th cùng mọi người đã liên hệ với ngân hàng XX, Ngân hàng BIDV rồi trình báo Công an thành phố Thái Nguyên để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên do Anh Hoàng Văn Ng vắng mặt do đang bị tạm giam trong vụ án khác, nên các đương sự đã không thỏa thuận

được với nhau, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng XX đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của các bên.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Anh Lê Văn Th xác định đến nay trong số tiền 400.000.000đ Anh Th chuyển vào tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng, Ngân hàng XX trích thu số tiền 118.150.000đ để trừ vào khoản nợ của Anh Hoàng Văn Ng. Do vậy, Anh Th rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tòa án giải quyết đối với khoản tiền còn lại trên tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng là 281.850.000đ. Đối với số tiền 118.150.000đ Ngân hàng XX sử dụng để trừ vào khoản nợ của Anh Hoàng Văn Ng thì Anh Th sẽ làm việc với Ngân hàng XX hoặc khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngân hàng XX đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền còn lại là 281.850.000đ trong tài khoản của anh Ng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng XX sẽ có trách nhiệm phối hợp làm thủ tục thanh toán hoàn trả cho Anh Lê Văn Th.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXX: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 221, Điều 357, Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn Th đối với Anh Hoàng Văn Ng.

2. Buộc Anh Hoàng Văn Ng có trách nhiệm trả cho Anh Lê Văn Th số tiền 281.850.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn Th đối với Anh Hoàng Văn Ng về việc hoàn trả số tiền 181.150.000 đồng.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1].** ***Về thủ tục tố tụng***:

[**1.1**]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Theo nội dung đơn khởi kiện Anh Lê Văn Th yêu cầu tòa án giải quyết buộc Anh Hoàng Văn Ng; Nơi ĐKHKTT: Xóm Linh S, xã Linh Th, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ 13, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên phải trả cho anh số tiền là 400.000.000đ do anh chuyển khoản nhầm vào số tài khoản của anh Ng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 163, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án tranh chấp về Kiện đòi tài sản (bảo vệ quyền sở hữu) - Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[**1.2**]. *Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa*: Tại phiên tòa Bị đơn Anh Hoàng Văn Ng vắng mặt (do đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên và có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vụ án.

**[2].** ***Về nội dung vụ án***: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, lời trình bày của các bên đương sự, người làm chứng, HĐXX thấy có đủ căn cứ xác định:

[2.1]. *Về việc thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản*:

Vào hồi 10 giờ 9 phút, ngày 12/01/2023 Anh Lê Văn Th đã thực hiện chuyển khoản số tiền 400.000.000đ từ số tài khoản 3901000xxx2666 của Anh Th mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam đến số tài khoản 09001xxx6555 mở tại Ngân hàng XX của Anh Hoàng Văn Ng. Tại thời điểm Anh Th chuyển khoản số tiền trên, Anh Hoàng Văn Ng đang bị tạm giam trong vụ án khác; giữa Anh Lê Văn Th và Anh Hoàng Văn Ng không có quan hệ làm ăn hay vay nợ gì nhau. Do trên ứng dụng tài khoản ngân hàng trên điện thoại của Anh Th đã lưu giữ số tài khoản của anh Ng và có trùng 03 số cuối là 555 với số tài khoản của anh Ng Tuấn A, nên khi thao tác chuyển tiền trả cho anh Ng Tuấn A, Anh Th chọn nhầm vào số tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng và thực hiện giao dịch chuyển khoản số tiền 400.000.000đ (Số bút toán Transaction No: FT23012860442742 ngày 12/01/2023).

Do Anh Hoàng Văn Ng có nợ Thẻ tín dụng của Ngân hàng XX số tiền là 118.150.000đ, nên sau khi trong tài của anh Ng có biến động số dư là 400.000.000đ, Hệ thống thanh toán, quản lý nợ của ngân hàng XX đã tự động trích trừ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của Anh Hoàng Văn Ng số tiền là 118.150.000đ; Số dư hiện tại trong tài khoản số 09001xxx65555 của ông Hoàng Văn Ng hiện tại là 281.850.000đ.

Như vậy, giao dịch chuyển tiền của Anh Lê Văn Th từ số tài khoản 3901000xxx2666 - Ngân hàng BIDV đến số tài khoản 09001xxx6555- Ngân hàng XX

của Anh Hoàng Văn Ng theo Số bút toán Transaction No: FT23012860442742 ngày 12/01/2023 là có sự nhầm lẫn. Số tiền 400.000.000đ phát sinh trong số tài khoản 09001xxx6555- Ngân hàng XX vào ngày 12/01/2023 là tài sản của Anh Lê Văn Th. Anh Hoàng Văn Ng là người đang chiếm hữu và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định:

***Điều 165. Chiếm hữu có căn cứ pháp luật***

*1. Chiếm hữu có căn cứ pháp luật là việc chiếm hữu tài sản trong trường hợp sau đây:*

*a) Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản;*

*b) Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản;*

*c) Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật;*

*d) Người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;*

*đ) Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;*

*e) Trường hợp khác do pháp luật quy định.*

*2. Việc chiếm hữu tài sản không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.*

***Điều 166. Quyền đòi lại tài sản***

*1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật…"*

Do vậy, việc Anh Lê Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người đang chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[2.1]. *Về nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng, được lợi vê tài sản không có căn cứ pháp luật*:

Tại Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định:

***"Điều 579. Nghĩa vụ hoàn trả:***

*1. Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản đó; nếu không tìm được chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản thì phải giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại Điều 236 của Bộ luật này.*

*2. Người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật làm cho người khác bị thiệt hại thì phải hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại, trừ trường hợp quy định tại Điều 236 của Bộ luật này".*

***Điều 580. Tài sản hoàn trả***

*1. Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản mà không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả toàn bộ tài sản đã thu được.*

*2. Trường hợp tài sản hoàn trả là vật đặc định thì phải hoàn trả đúng vật đó; nếu vật đặc định đó bị mất hoặc hư hỏng thì phải đền bù bằng tiền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*3. Trường hợp tài sản hoàn trả là vật cùng loại, nhưng bị mất hoặc hư hỏng thì phải trả vật cùng loại hoặc đền bù bằng tiền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*4. Người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả khoản lợi về tài sản đó cho người bị thiệt hại bằng hiện vật hoặc bằng tiền."*

Về quyền nghĩa vụ của chủ tài khoản thanh thánh và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tại Điều 5, Điều 6 Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định:

***Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản thanh toán***

*2. Chủ tài khoản thanh toán có các nghĩa vụ sau:*

*c) Kịp thời thông báo cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;*

*d) Hoàn trả hoặc phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình;*

***Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán***

*2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có nghĩa vụ:*

*c) Ghi Có vào tài khoản thanh toán của khách hàng kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán của khách hàng*.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được và quy định pháp luật nêu trên, HĐXX thấy rằng: Sau khi anh Lê Văn Th chuyển tiền nhầm số tiền 400.000.000đ vào số tài khoản 09001xxx6555 của Anh Hoàng Văn Ng thì Ngân hàng XX đã thực hiện lệnh thanh toán trừ số tiền 118.150.000đ vào khoản nợ thẻ tín dụng của Anh Hoàng Văn Ng (bao gồm: Nợ gốc là 116.661.563 đồng; nợ lãi là: 2.062. 043 đồng). Số tiền còn lại trong tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng là 281.850.000đ. Như vậy, Anh Hoàng Văn Ng là người đang chiếm hữu của Anh Lê Văn Th số tiền là 281.850.000đ. Anh Hoàng Văn Ng và Ngân hàng XX là người được lợi tài sản do ngân hàng XX đã sử dụng khoản tiền 118.150.000đ của Anh Th để tất toán cho khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của anh Ng với Ngân hàng XX vào ngày 12/01/2023. Ngân hàng XX là người đã sử dụng số tiền 118.150.000đ của Anh Lê Văn Th để thanh toán khoản nợ của Anh Hoàng Văn Ng, nhưng thuộc trường hợp ngay tình.

Tại phiên tòa Anh Lê Văn Th chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền còn lại 281.850.000đ trong tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng. Do vậy, cần buộc Anh Hoàng Văn Ng phải hoàn trả cho Anh Lê Văn Th số tiền đang chiếm hữu không có căn cứ pháp luật là 281.850.000đ, Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Ngân hàng

XX) có trách nhiệm phối hợp và làm thủ tục thanh toán để Anh Lê Văn Th nhận lại khoản tiền trên.

[2.3]. *Về các vấn đề khác có liên quan và việc Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:*

Liên quan đến vụ án này còn có giao dịch liên quan đến số tiền 118.150.000đ do Ngân hàng XX đã sử dụng trong tài khoản của anh Ng để thanh toán vào khoản nợ Thẻ tín dụng Anh Hoàng Văn Ng đối với Ngân hàng XX. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các bên không có tranh chấp liên quan đến khoản nợ thẻ tín dụng của anh Ng với Ngân hàng XX; Tại phiên tòa Anh Th đã rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền 118.150.000đ mà Ngân hàng XX đã sử dụng để thanh toán cho khoản nợ của anh Ng, nên HĐXX đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện Anh Th đã rút. Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến số tiền trên và có yêu cầu khởi kiện thì được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**[4]. Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Anh Hoàng Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn Th rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của Anh Th được chấp nhận, nên Anh Th được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**[5]. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 163, 165, 166, 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn Th về việc về việc kiện đòi số tiền là 118.150.000đ trong tài khoản của Anh Hoàng Văn Ng. Anh Lê Văn Th được quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu khởi kiện đã rút, để tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Văn Th về việc kiện đòi tài sản là số tiền là 281.850.000đ trong số tài khoản: 09001xxx6555 của Anh Hoàng Văn Ng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q .

3. Buộc Anh Hoàng Văn Ng phải hoàn trả cho Anh Lê Văn Th số tiền là 281.850.000đ (*Hai trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*) trong tài khoản số 09001xxx6555 của Anh Hoàng Văn Ng (Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm phối hợp làm thủ tục thanh toán để Anh Lê Văn Th nhận lại số tiền

281.850.000đ trong tài khoản số 09001xxx6555 của Anh Hoàng Văn Ng).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Anh Lê Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh Hoàng Văn Ng không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

4. Về án phí**:**

- Buộc Anh Hoàng Văn Ng phải chịu 14.092.000đ (*Mười bốn triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho Anh Lê Văn Th số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000445 ngày 03/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (Anh Lê Văn Th), Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng thương mại cổ phần Q) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (Anh Hoàng Văn Ng) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Tp. Thái Nguyên;
- Các đương sự trong vụán;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cần**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Tp. Thái Nguyên;
- Các đương sự trong vụán;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cần**